

**TOÀN ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 13/8/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Chung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Tân

Bà Huỳnh Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST –HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Xóm 5, thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Quý V, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Xóm 2, thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Phan Thị T trình bày:

Chị kết hôn với Anh Lê Quý V ngày 03/7/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sinh được hai con chung. Đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V hay nhậu nhẹt, say xỉn. Mỗi lần say xỉn, anh V gây

gỗ và đập phá đồ đạc trong nhà. Vì con nên chị chịu đựng chung sống nhưng anh Vẫn thường xuyên nhậu nhẹt, gây gỗ và đánh đập chị. Chỉ bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống đã hơn một năm nay nên vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn Anh Lê Quý V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Quý Th, sinh ngày 10/10/2004 và Lê Quý H, sinh ngày 04/12/2009. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con nhưng nếu cháu Th có nguyện vọng ở với anh V thì chị đồng ý giao cháu Th cho anh V nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2022 và quá trình tố tụng, bị đơn Anh Lê Quý V trình bày:

Anh kết hôn với Chị Phan Thị T ngày 03/7/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, có hai người con chung là Lê Quý Th, sinh ngày 10/10/2004 và Lê Quý H, sinh ngày 04/12/2009, hiện ở với chị T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh thường hay nhậu nhẹt, say xỉn. Vợ anh có khuyến bảo, nhiều khi không kiềm chế bản thân nên có hành động gây gỗ, đập phá đồ đạc trong nhà. Vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay. Anh thấy hành vi của bản thân là sai trái, hứa sẽ khắc phục và hạn chế nhậu nhẹt để chăm lo cho gia đình, vợ con. Nay Chị Phan Thị T làm đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ, lo làm ăn nuôi con.

Về con chung, nếu ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án tổng đặt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 262 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Chị Phan Thị T về việc ly hôn Anh Lê Quý V.

Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Quý Th, sinh ngày 10/10/2004 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Quý H, sinh ngày 04/12/2009 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th và anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Lê Quý V được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Phan Thị T và Anh Lê Quý V là hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh V hay nhậu nhẹt, say xỉn, gây gổ, đập phá đồ đạc trong nhà nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Theo xác minh của chính quyền địa phương, hiện nay anh V và chị T sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc của gia đình mà phần ai nấy sống. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh V đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy giao hai con chung cho chị T hoặc anh V trực tiếp nuôi dưỡng thì không đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các con chung nên giao cho chị T và anh V, mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng mỗi cháu. Cháu T cũng có nguyện vọng xin ở với cha, còn cháu H có nguyện vọng xin ở với mẹ nên giao cháu Lê Quý Th cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Quý H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Th và anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chị được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a

khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với Anh Lê Quý V.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Lê Quý Th, sinh ngày 10/10/2004 cho Anh Lê Quý V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2.1. Giao con chung Lê Quý H, sinh ngày 04/12/2009 cho Chị Phan Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phan Thị T, Anh Lê Quý V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002614 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã B,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Đình Chung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Ba

Bùi Quốc Thìn

Võ Đình Chung

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thuận Nguyễn Văn Thạch

Võ Đình Chung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện Bình Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Bình Tân;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Võ Đình Chung

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Minh Bùi Tấn Sinh

Võ Đình Chung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- tọa phiên tòa**
- VKSND, THADS huyện Bình Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Bình Tân;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ

Võ Đình Chung